

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3017/ĐA-ĐHSPKT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2025

ĐỀ ÁN

Về việc mở ngành đào tạo Kỹ thuật nhiệt trình độ tiến sĩ - Mã ngành 9520115

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 2311/QĐ-ĐHSPKT ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh về việc quy định chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 294/QĐ-ĐHSPKT ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 256/NQ-HĐT ngày 27/06/2025 của Hội đồng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo Kỹ thuật nhiệt trình độ Tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 3104/QĐ-ĐHSPKT ngày 22/8/2025 của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ ngành Kỹ thuật nhiệt - Mã ngành 9520115;

Căn cứ Biên bản số 2897/BB-HĐKHĐT ngày 21 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường về việc thẩm định Đề án mở ngành Kỹ thuật nhiệt trình độ tiến sĩ.

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHSPKT TPHCM) ban hành Đề án mở ngành đào tạo Kỹ thuật nhiệt trình độ tiến sĩ - Mã ngành 9520115 (văn bản đính kèm).

Nơi nhận:

- Các đơn vị, cá nhân liên quan;
- Lưu: VT, ĐT (7).



HIỆU TRƯỞNG *[Signature]*

PGS.TS. Lê Hieu Giang

Thành phố Hồ Chí Minh - 2025

TRÌNH ĐỘ ĐẠO TẠO: TIẾN SĨ

MÃ SỐ: 9520115

NGÀNH: KỸ THUẬT NHẬT

ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐẠO TẠO

HCMUTE



THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐẠO TẠO

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành Đào tạo: **KỸ THUẬT NHIỆT**

Mã số: **9520115**

Tên cơ sở đào tạo: **Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp.HCM**

Trình độ đào tạo: **Tiến sĩ**

*(Kèm theo Đề án số 3017/ĐA-ĐHSPKT ngày 28 tháng 8 năm 2025
của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh)*

Thành phố Hồ Chí Minh - 2025

A handwritten signature in black ink, located in the bottom right corner of the page.

MỤC LỤC

DANH SÁCH CÁC HÌNH	1
DANH SÁCH CÁC BẢNG	1
PHẦN 1 SỰ CẦN THIẾT ĐỂ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN	2
1.1. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO.....	2
1.1.1. Thông tin về ngành đăng ký đào tạo.....	2
1.1.2. Giới thiệu về Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.....	2
1.1.3. Giới thiệu về Khoa mở ngành.....	10
1.2. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN.....	11
1.2.1. Định hướng của chính phủ trong việc phát triển ngành Kỹ thuật Nhiệt.....	11
1.2.2. Nhu cầu về nhân lực trình độ tiến sĩ ngành Kỹ thuật Nhiệt.....	12
1.2.3. Sự phù hợp với chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo.....	13
PHẦN 2 TÓM TẮT ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO	15
2.1. ĐIỀU KIỆN TỰ CHỦ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ.....	15
2.2. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN CƠ HỮU.....	16
2.3. CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, THƯ VIỆN, GIÁO TRÌNH.....	24
2.3.1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo.....	24
2.3.2. Thư viện, giáo trình.....	24
2.4. CÁC HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC.....	26
2.5. HỢP TÁC TRONG ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC.....	26
2.6. ĐIỀU KIỆN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ.....	26
2.6.1. Đơn vị phụ trách quản lý hành chính.....	26
2.6.2. Đơn vị quản lý cấp khoa đối với ngành Kỹ thuật Nhiệt trình độ tiến sĩ.....	26
2.7. ĐIỀU KIỆN SẴN SÀNG CHUYỂN SANG DẠY HỌC TRỰC TUYẾN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO THEO QUY ĐỊNH.....	27
PHẦN 3 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO	28
3.1. CĂN CỨ PHÁP LÝ.....	28

3.2. QUYẾT ĐỊNH, VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	29
3.3. THAM KHẢO VÀ ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	30
3.4. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	30
3.5. KẾ HOẠCH TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO	32
3.6. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	33
PHẦN 4 TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN	34
4.1. CÔNG CÔNG KHAI THÔNG TIN	34
4.2. TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO	34
4.3. CAM KẾT TRIỂN KHAI THỰC HIỆN	35
4.4. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG VÀ XỬ LÝ RỦI RO	35
4.4.1. Trường hợp không tuyển sinh đủ chỉ tiêu	35
4.4.2. Người học bỏ học, trễ tiến độ	35
4.4.3. Sự biến động về đội ngũ giảng viên do thiếu lực lượng kế thừa khi giảng viên nghỉ hưu, chuyển công tác	36
4.4.4. Sự cạnh tranh với các trường đào tạo khác, đặc biệt là các trường đào tạo trong khu vực	36
4.4.5. Trường hợp bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo	36

DANH SÁCH CÁC HÌNH

Hình 1.1. Sơ đồ tổ chức của Trường ĐHSPKT TP.HCM.....	4
---	---

DANH SÁCH CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Thống kê các ngành đào tạo (tính đến 30/06/2025).....	7
Bảng 2.1. Kết quả đánh giá tiêu chí áp dụng cho cơ sở đào tạo tiến sĩ.....	15
Bảng 2.2. Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện ngành đào tạo Kỹ thuật Nhiệt trình độ tiến sĩ.....	17
Bảng 2.3. Danh sách giảng viên cơ hữu tham gia tổ chức thực hiện chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Nhiệt trình độ tiến sĩ.....	20
Bảng 2.4. Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa quản lý ngành đào tạo.....	27
Bảng 3.1. Quy mô tuyển sinh dự kiến.....	33

PHẦN 1

SỰ CẦN THIẾT ĐỂ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1.1. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO

1.1.1. Thông tin về ngành đăng ký đào tạo

Ngành Kỹ thuật Nhiệt trình độ tiến sĩ thuộc Danh mục nhóm ngành Kỹ thuật Cơ khí và Cơ Kỹ thuật, có mã ngành cấp IV hiện hành theo quy định trong Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT là 9520115. Thông tin cụ thể như sau:

Tên ngành đào tạo:	Kỹ thuật Nhiệt
Trình độ đào tạo:	Tiến sĩ
Mã ngành:	9520115
Tên cơ sở đào tạo:	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh
Đơn vị quản lý chuyên môn:	Khoa Cơ khí Động lực

1.1.2. Giới thiệu về Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh (ĐHSPKT TP.HCM) được hình thành và phát triển trên cơ sở Ban Cao đẳng Sư phạm Kỹ thuật – thành lập theo Nghị định số 1082-GD ngày 05/10/1962 của Tổng thống Việt Nam Cộng hoà. Theo Sắc lệnh số 10-SL/VHGDĐT ngày 11/01/1974 của Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Cộng hoà, Ban Cao đẳng Sư phạm Kỹ thuật được sáp nhập vào Viện Đại học Bách khoa Thủ Đức và được đặt trực thuộc Trường Đại học Giáo dục của Viện. Ngày 27/10/1976, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 426-TTg về một số vấn đề cấp bách trong mạng lưới các trường đại học - theo Quyết định này Trường Đại học Giáo dục được đổi tên thành Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thủ Đức. Ngày 28/01/1984 Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thủ Đức hợp nhất với Trường Trung học công nghiệp Thủ Đức thành Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 12/6/1991 Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh sáp nhập thêm Trường Sư phạm Kỹ thuật Cơ giới hoá nông nghiệp. Theo Nghị định số 16/CP ngày 27/01/1995 của Chính phủ, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh được đặt trực thuộc Trường Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 10/10/2000 theo Quyết định số 118/2000/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh tách khỏi Trường Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GDĐT) cho đến nay.

Trải qua hơn 60 năm hình thành và phát triển, Trường ĐHSPKT TP.HCM là cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH) và phục vụ cộng đồng theo định hướng ứng dụng; liên tục đổi mới và sáng tạo, cung cấp nguồn nhân lực và sản phẩm khoa học chất lượng cao trong các lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, khoa học, công nghệ; đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Với triết lý giáo dục “Nhân bản - Sáng tạo - Hội nhập”, Trường ĐHSPKT TP.HCM không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng dạy - học, NCKH và phục vụ cộng đồng nhằm mang đến cho người học những điều kiện học tập tốt nhất để phát triển toàn diện các năng lực đáp ứng nhu cầu phát triển và hội nhập quốc tế.

Trường ĐHSPKT TP.HCM có cơ cấu gồm 16 Phòng/Ban chức năng, 14 Khoa/Viện, 06 Trung tâm trực thuộc Trường. Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2025, tổng số lượng người làm việc và hợp đồng lao động của Nhà trường là 862 người trong đó có 609 giảng viên (GV) với 60 PGS và 233 Tiến sĩ, 253 cán bộ quản lý hành chính, nhân viên. Sơ đồ tổ chức của Nhà trường được trình bày tại Hình 1.1.

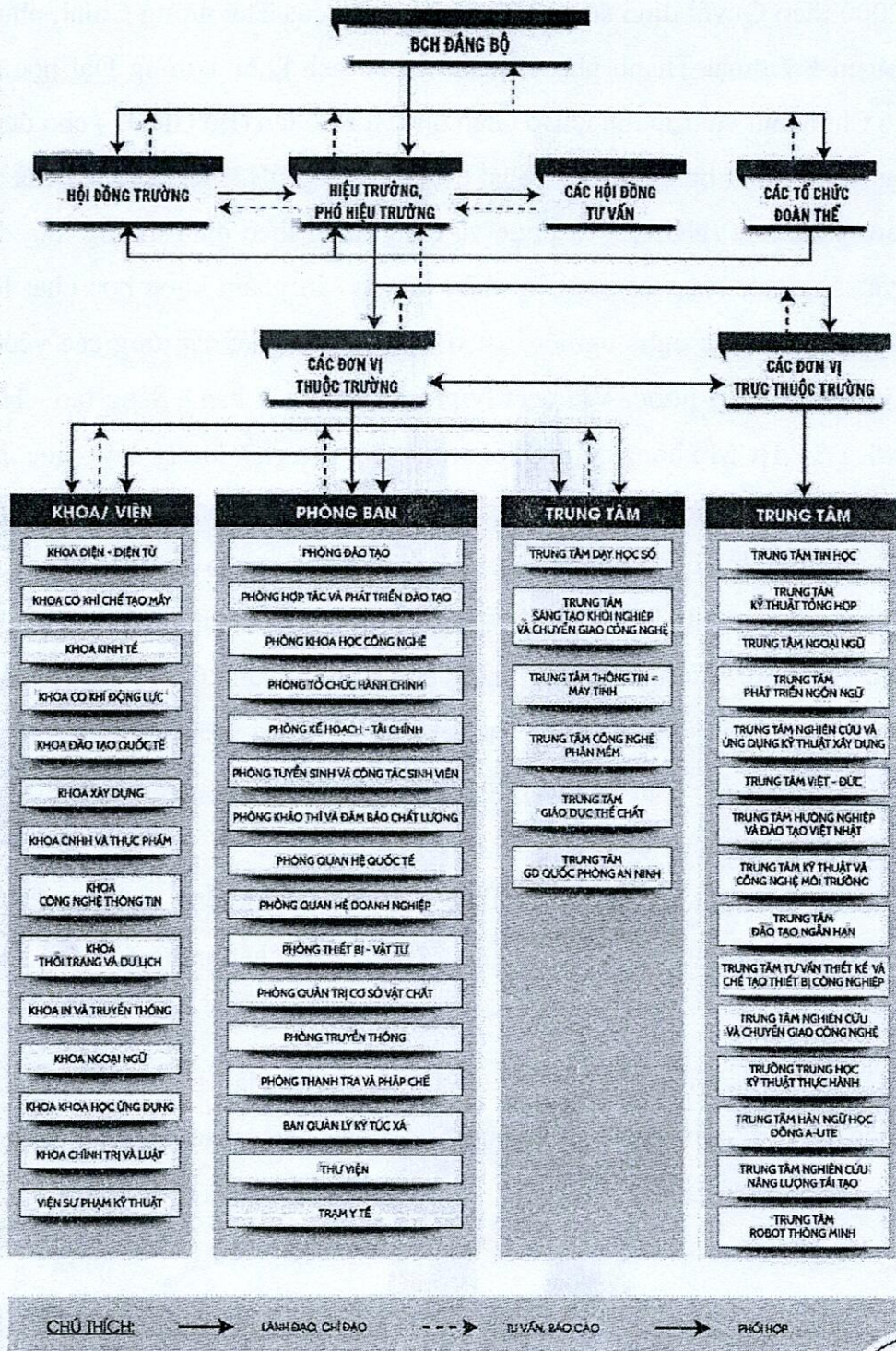
Trong những năm qua, Trường ĐHSPKT TP.HCM đã không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng như chính sách chất lượng đã công bố.

Tầm nhìn

Trường ĐHSPKT TP.HCM là đại học tự chủ toàn phần; là trung tâm đào tạo, NCKH, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp hàng đầu của Việt Nam, ngang tầm với các trường đại học uy tín trong khu vực và thế giới.

Sứ mạng

Trường ĐHSPKT TP.HCM là cơ sở đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng theo định hướng ứng dụng; liên tục đổi mới sáng tạo, cung cấp nguồn nhân lực và các sản phẩm khoa học chất lượng cao trong các lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, khoa học, công nghệ; đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước.



Hình 1.1. Sơ đồ tổ chức của Trường ĐHSPTK TP.HCM

Các giá trị cốt lõi

Các giá trị cơ bản của một nền giáo dục tiên tiến; hiện đại đã, đang và sẽ được ĐHSPTK tôn vinh, gìn giữ, phát huy một cách sáng tạo là:

- Gìn giữ và phát huy các giá trị truyền thống nhân văn của dân tộc Việt Nam.

- Nâng đỡ tài năng và tính sáng tạo, chú trọng đào tạo kỹ năng và trách nhiệm nghề nghiệp.
- Tôn trọng lợi ích của người học và của cộng đồng. Xây dựng xã hội học tập.
- Đề cao chất lượng, hiệu quả và sự đổi mới trong các hoạt động.
- Hội nhập, hợp tác và chia sẻ.

Triết lý giáo dục: *Nhân bản – Sáng tạo – Hội nhập.* Hội nhập tức là giáo dục không chỉ truyền đạt kiến thức và kỹ năng, mà còn cần nuôi dưỡng tinh thần trách nhiệm xã hội, nghĩa cử cao đẹp và đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên và GV. Trường đặt “con người làm trung tâm” và xem sinh viên như những cá thể độc đáo, cần được yêu thương, tôn trọng và trợ lực để phát triển bản thân một cách toàn diện. Nhà trường coi sáng tạo là động lực then chốt để thích ứng với thời đại và phát triển bền vững. Trường khuyến khích tư duy phản biện, đổi mới, tự khởi xướng và học suốt đời, từ đó hình thành nguồn lực lao động có khả năng thích nghi và khai phá thị trường quốc tế. Phương châm của Nhà trường là “Trở thành trường đại học sáng tạo nhất” nhằm định hướng trong hoạt động phát triển. Đồng thời, Nhà trường luôn thúc đẩy hợp tác quốc tế, đổi mới chương trình, nâng cao chuẩn mực và phát triển kỹ năng mềm nhằm đến sự phát triển toàn diện.

Trường ĐHSPKT TP.HCM còn có không gian rộng và thoáng mát rất thuận tiện cho việc học tập của sinh viên. Với diện tích sử dụng lên đến 218.655 m², bao gồm 2 cơ sở đào tạo, giảng đường, nhà xưởng thực hành, phòng nghiên cứu, thí nghiệm, hội trường, nhà tập đa năng, trung tâm thư viện, ký túc xá sinh viên, Trường ĐHSPKT TP.HCM là môi trường học tập, sinh hoạt, NCKH lý tưởng của GV và sinh viên.

Cùng với sự lớn mạnh về số lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy cũng như số lượng ngành nghề đào tạo và số lượng sinh viên đang theo học, Nhà trường không ngừng đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất hiện đại như: phòng thí nghiệm robot và điều khiển thông minh, phòng thí nghiệm điện tử hiện đại, phòng thí nghiệm robot tự hành thông minh, phòng thí nghiệm chế tạo khuôn và ép nhựa, phòng thí nghiệm hệ thống sản xuất công nghiệp 4.0, phòng thí nghiệm tạo hình và xử lý vật liệu, phòng thí nghiệm mô phỏng hệ thống công nghiệp, phòng thí nghiệm CNC nâng cao,... Các doanh nghiệp tin tưởng nguồn lực được đào tạo từ Nhà trường và đầu tư các phòng thí nghiệm cập nhật những công nghệ tiên tiến như Phòng thí nghiệm tự động hóa Mitsubishi, phòng thí nghiệm tự động hoá Rockwell,

phòng thí nghiệm tự động hoá Siemens, Phòng thí nghiệm thiết bị tự động hóa Yaskawa,... và các phần mềm chuyên môn. Để đáp ứng yêu cầu của chuyển đổi số trong giáo dục đại học, nhà trường đã xây dựng thành công Trung tâm dữ liệu lớn gồm UTE Data center và UTEx Data Center. Trung tâm dữ liệu lớn là hệ thống quản trị, vận hành và xử lý cho hệ sinh thái số (digital ecosystem), triển khai UTEx-LMS và UTEx-MOOC - nền tảng công nghệ dạy học, kiểm tra đánh giá trực tuyến.

Việc đầu tư cho các phòng thí nghiệm hiện đại và trang bị đầy đủ các thiết bị nhằm bảo đảm tốt nhất cho hoạt động dạy và học, công tác NCKH của GV và sinh viên Trường ĐHSPKT TP.HCM ngày càng phát triển và đạt được nhiều thành tích cao. Tính từ năm 2019 đến nay, Nhà trường đã thực hiện quản lý 2419 đề tài, dự án các cấp, 4105 bài báo khoa học của GV được đăng trên tạp chí, kỷ yếu hội thảo khoa học, trong đó có 1470 bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế trong danh mục Web of Science và Scopus, trường đã tổ chức được các sân chơi NCKH cho sinh viên với nhiều hoạt động đa dạng. Sinh viên của Trường đã đạt được nhiều giải thưởng khoa học, công nghệ và sáng tạo.

Trường ĐHSPKT TP.HCM áp dụng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 từ năm 2005 đến nay. Với hệ thống quản lý này, hiệu quả về quản lý đào tạo trong nhà trường đã được nâng lên rõ rệt. Trường ĐHSPKT TP.HCM đã công bố chính sách chất lượng, trong đó nhấn mạnh *“Không ngừng nâng cao chất lượng dạy, học, NCKH và phục vụ cộng đồng nhằm mang đến cho người học những điều kiện tốt nhất để phát triển toàn diện các năng lực đáp ứng nhu cầu phát triển và hội nhập quốc tế.”*

Trường đã đạt kiểm định chất lượng cấp Cơ sở giáo dục theo chuẩn của Bộ GDĐT, chu kỳ 1 vào năm 2017 và chu kỳ 2 vào năm 2023, lần lượt theo Quyết định số 14/QĐ-TTKĐ ngày 03 tháng 05 năm 2017 và Quyết định số 98/QĐ-TTKĐ ngày 07 tháng 07 năm 2023 của Giám đốc trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo, tính đến tháng 6/2025, Trường ĐHSPKT TP.HCM đã có 18 chương trình đào tạo (CTĐT) đạt chuẩn kiểm định chất lượng của tổ chức Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á (AUN-QA); 19 CTĐT trình độ đại học và 06 CTĐT trình độ thạc sĩ đạt chuẩn chất lượng giáo dục của Bộ GDĐT (MOET).

Trường ĐHSPKT TP.HCM đào tạo 3 trình độ: tiến sĩ – 07 ngành, thạc sĩ – 18 ngành, đại học – 50 ngành (Bảng 1.1).

Tính đến thời điểm 30/6/2025 quy mô người học:

- Trình độ đại học, hệ chính quy 23.123 sinh viên
- Trình độ thạc sĩ 542 học viên
- Trình độ tiến sĩ 164 nghiên cứu sinh

Trường ĐHSPKT TP.HCM được quy hoạch trong mạng lưới cơ sở giáo dục trọng điểm quốc gia về công nghệ kỹ thuật. Đáp ứng điều này, chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường ĐHSPKT TP.HCM theo hướng nghề nghiệp - ứng dụng (hướng công nghệ), nặng về kỹ năng thực hành, thường xuyên điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với sự phát triển công nghệ của thực tế sản xuất công nghiệp, sản phẩm đào tạo của nhà trường đáp ứng tốt nhu cầu xã hội. Kết quả khảo sát việc làm sinh viên sau khi tốt nghiệp hàng năm cho thấy số sinh viên có việc làm sau 3 tháng tốt nghiệp trên 90%. Chương trình đào tạo thạc sĩ của Trường được xây dựng với cả hai định hướng, nghiên cứu và ứng dụng, nhằm linh hoạt trong đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao. Chương trình đào tạo tiến sĩ của Trường được xây dựng chú trọng năng lực nghiên cứu với khung chương trình trên 80% NCKH và luận án tiến sĩ. Đây là cơ sở để đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, đào tạo nhân tài, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển những lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ chiến lược và chuyển đổi số quốc gia.

Bảng 1.1. Thống kê các ngành đào tạo (tính đến 30/06/2025)

STT	Mã ngành	Tên ngành đào tạo
I – Tiến sĩ		
1	9520101	Cơ Kỹ thuật
2	9520201	Kỹ thuật điện
3	9520103	Kỹ thuật cơ khí
4	9140101	Giáo dục học
5	9520116	Kỹ thuật cơ khí động lực
6	9520203	Kỹ thuật điện tử
7	9580201	Kỹ thuật xây dựng

PHAI
JAT
MINH

STT	Mã ngành	Tên ngành đào tạo
II – Thạc sĩ		
1	8140101	Giáo dục học
2	8140111	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn
3	8310110	Quản lý kinh tế
4	8520116	Kỹ thuật cơ khí động lực
5	8520115	Kỹ thuật nhiệt
6	8520103	Kỹ thuật cơ khí
7	8520114	Kỹ thuật cơ điện tử
8	8520216	Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa
9	8520201	Kỹ thuật điện
10	8520203	Kỹ thuật điện tử
11	8520208	Kỹ thuật viễn thông
12	8580201	Kỹ thuật xây dựng
13	8480101	Khoa học máy tính
14	8540101	Công nghệ thực phẩm
15	8520320	Kỹ thuật môi trường
16	8520301	Kỹ thuật hóa học
17	8580302	Quản lý xây dựng
18	8520212	Kỹ thuật y sinh
III – Đại học		
1	7510202	Công nghệ chế tạo máy
2	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
3	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
4	7549002D	Kỹ nghệ gỗ và nội thất
5	7520117	Kỹ thuật công nghiệp
6	7510209	Robot và trí tuệ nhân tạo
7	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt
8	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô
9	7510208	Năng lượng tái tạo

STT	Mã ngành	Tên ngành đào tạo
10	7510401	Công nghệ kỹ thuật hoá học
11	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
12	7540101	Công nghệ thực phẩm
13	7480202	An toàn thông tin
14	7480201	Công nghệ thông tin
15	7480203	Kỹ thuật dữ liệu
16	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông
17	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện điện tử
18	7510303	Cnkt điều khiển và tự động hóa
19	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính
20	7480118	Hệ thống nhúng và IoT
21	7520212	Kỹ thuật y sinh
22	7510801	Công nghệ kỹ thuật in
23	7210403	Thiết kế đồ họa
24	7510402	Công nghệ vật liệu
25	7340301	Kế toán
26	7340120	Kinh doanh quốc tế
27	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
28	7510601	Quản lý công nghiệp
29	7340122	Thương mại điện tử
30	7220201	Ngôn ngữ Anh
31	7140231	Sư phạm tiếng Anh
32	7540209	Công nghệ may
33	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống
34	7210404	Thiết kế thời trang
35	7510102	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng
36	7510106	Hệ thống kỹ thuật công trình xây dựng
37	7580101	Kiến trúc
38	7580103	Kiến trúc nội thất



[Handwritten signature]

STT	Mã ngành	Tên ngành đào tạo
39	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
40	7840110	Quản lý và vận hành hạ tầng
41	7580302	Quản lý xây dựng
42	7380101	Luật
43	7140246	Sư phạm công nghệ
44	7310403	Tâm lý học giáo dục
45	7510302	Kỹ thuật thiết kế vi mạch
46	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường (Chuyên ngành Môi trường và Phát triển bền vững)
47	7520401	Vật lý kỹ thuật (định hướng công nghệ bán dẫn và cảm biến, đo lường)
48	7320106	Công nghệ truyền thông (Truyền thông số và Công nghệ đa phương tiện)
49	7340101	Quản trị kinh doanh
50	7340205	Công nghệ tài chính

1.1.3. Giới thiệu về Khoa mở ngành

Khoa Cơ Khí Động Lực được thành lập từ năm 1962, với tên ban đầu là Ban Cơ khí ô tô. Khoa không ngừng phát triển, lớn mạnh và tự hào là một trong các khoa có quy mô lớn, đi đầu nhiều lĩnh vực đặc biệt là trong lĩnh vực đào tạo và NCKH của trường Đại học Sư Phạm Kỹ thuật Tp HCM.

Hiện nay, Khoa được tổ chức thành 05 bộ môn: Bộ môn Động cơ, Bộ môn Khung Gầm, Bộ môn Điện Ô tô, Bộ môn Công nghệ Nhiệt-Điện lạnh và Bộ môn năng lượng tái tạo. Khoa có 6 xưởng thực hành, 10 phòng thí nghiệm hiện đại. Tổng số cán bộ, công chức trong khoa gồm 41 cán bộ giảng dạy, 03 nhân viên phục vụ giảng dạy và 02 nhân viên văn phòng. Trong đó gần 80% cán bộ giảng dạy có trình độ sau đại học (05 Phó Giáo sư, 02 Nhà giáo ưu tú, 09 Tiến sĩ, 15 giảng viên chính, 23 thạc sĩ và 01 Giáo sư toàn thời gian).

Mục tiêu phát triển của Khoa Cơ khí Động lực là trở thành khoa hàng đầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghệ ô tô, nhiệt-điện

lạnh trong khối các trường Sư Phạm Kỹ thuật ở Việt Nam và từng bước vươn đến tầm khu vực.

CTĐT Công nghệ Kỹ thuật Nhiệt trình độ Đại học đã được kiểm định chất lượng theo AUN-QA vào năm 2017. CTĐT Thạc sĩ Kỹ thuật Nhiệt được mở từ năm 2015 và đạt kiểm định chất lượng CTĐT theo tiêu chuẩn của Bộ GDĐT vào năm 2025 theo Quyết định số 383/QĐ-KĐCLGDSG ngày 09/05/2025. Khoa có mối quan hệ hợp tác chặt chẽ và hiệu quả với nhiều tổ chức, trường học, đơn vị, công ty trong và ngoài nước.

1.2. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1.2.1. Định hướng của chính phủ trong việc phát triển ngành Kỹ thuật Nhiệt

Việc mở ngành đào tạo Tiến sĩ ngành Kỹ thuật Nhiệt hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của Nhà trường là không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, tăng cường công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật và triển khai công nghệ ứng dụng. Điều này góp phần khẳng định vị thế là trường đại học đầu đàn trong hệ thống Sư phạm Kỹ thuật, ngang tầm với các nước trong khu vực. Việc mở ngành Tiến sĩ sẽ tạo điều kiện cho các Thạc sĩ đã tốt nghiệp từ trường và các cơ sở khác có cơ hội học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ, phát huy khả năng cống hiến, từ đó đóng góp vào sự phát triển chung của khoa học công nghệ đất nước, phù hợp với sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của nhà trường.

Công cuộc công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước đòi hỏi một đội ngũ các nhà nghiên cứu và kỹ sư trong lĩnh vực Kỹ thuật Nhiệt lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng. Hiện nay, tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ tại các trường đại học Việt Nam còn thấp (khoảng 33%) so với quốc tế. Nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ Tiến sĩ cho các trường, viện nghiên cứu và các phòng R&D của doanh nghiệp là rất lớn.

Tại khu vực phía Nam, hiện chỉ có một cơ sở đào tạo Tiến sĩ ngành Kỹ thuật Nhiệt, chưa đáp ứng đủ nhu cầu. Kết quả khảo sát cho thấy nhu cầu học Tiến sĩ Kỹ thuật Nhiệt của các cựu học viên và các kỹ sư, giảng viên là rất cao (hơn 50% sẽ đăng ký học trong vòng 5 năm tới). Do đó, việc Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM mở ngành đào tạo Tiến sĩ Kỹ thuật Nhiệt là hết sức cần thiết để đáp ứng nhu cầu cấp bách về nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực và cả nước.

1.2.2. Nhu cầu về nhân lực trình độ tiến sĩ ngành Kỹ thuật Nhiệt

Kỹ thuật Nhiệt là một trong những ngành khoa học mũi nhọn trong công cuộc đổi mới. Nhiệm vụ quan trọng được đặt ra là phải xây dựng được đội ngũ các nhà nghiên cứu và kỹ thuật viên trong lĩnh vực kỹ thuật Nhiệt lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng nhằm thúc đẩy nhanh chóng việc nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật. Do đó, sự phát triển Khoa học - Công nghệ và sự phát triển kỹ thuật nhiệt – năng lượng là không thể tách rời nhau.

Hiện nay trong hệ thống giáo dục đại học, tổng số trường đại học và cao đẳng của cả nước vào khoảng 650 trường. Nếu trung bình mỗi trường 20 ngành, mỗi ngành có 05 Tiến sĩ, thì cả hệ thống giáo dục đại học của đất nước sẽ cần khoảng hơn 65 ngàn Tiến sĩ. Tổng số giảng viên trong các trường ĐH hiện nay khoảng 91.300 người, trong đó GV có trình độ tiến sĩ khoảng 30.150 chiếm 33%. Như vậy, tỉ lệ này khá thấp so với quốc tế (trung bình 70% giảng viên đại học có trình độ tiến sĩ; với các nước đã phát triển 100% giảng viên đại học có trình độ tiến sĩ). Trong số 650 trường đại học cao đẳng có nhiều trường đào tạo về kỹ thuật trong đó có ngành Kỹ thuật Nhiệt. Như vậy nguồn nhân lực có trình độ Tiến sĩ cho các ngành nói chung và ngành Kỹ thuật Nhiệt nói riêng cần đáp ứng cho các trường, viện là rất lớn; đó là chưa kể nhu cầu về người có trình độ Tiến sĩ làm việc tại các phòng nghiên cứu và phát triển của các công ty lớn hiện nay để nghiên cứu và phát triển sản phẩm về nhiệt năng.

Trong khi đó, tình hình đào tạo Tiến sĩ trong lĩnh vực Kỹ thuật Nhiệt của cả nước nói chung và ở khu vực phía Nam nói riêng thực sự chưa đáp ứng được nhu cầu như đã phân tích ở trên. *Hiện nay tại TPHCM, chỉ mới có Trường Đại học Bách Khoa thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh đào tạo Tiến sĩ ngành Kỹ thuật Nhiệt nên chưa đáp ứng được nhu cầu hiện nay.*

Trong những năm gần đây, số lượng cựu sinh viên ngành Công nghệ Kỹ thuật Nhiệt của trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh và các trường Kỹ thuật phía Nam tham gia giảng dạy trong các trường Đại học và Cao Đẳng trong cả nước và công tác trong các công ty, doanh nghiệp lớn ở khu vực phía Nam ngày càng tăng, hầu hết các giảng viên này chỉ có trình độ Thạc sĩ. Từ kết quả khảo sát của 38 Thạc sĩ Kỹ thuật Nhiệt (chủ yếu là cựu học viên KT Nhiệt – HCMUTE), có 23,1% chọn “Sẽ đăng ký học Tiến sĩ KT Nhiệt - HCMUTE trong vòng 1 năm tới” và 28,2% chọn “Sẽ đăng ký học Tiến sĩ KT Nhiệt - HCMUTE trong vòng 5 năm tới” (có minh chứng khảo sát tháng 5/2025). Tổng cộng có 18

đơn vị tham gia khảo sát, trong đó Cơ sở Giáo dục/Viện/Trung tâm chiếm 50% và doanh nghiệp chiếm 50%. Trong 5 năm tới, có đến 88,89% đơn vị đề xuất cho nhân sự học Tiến sĩ Kỹ thuật Nhiệt tại HCMUTE.

Bên cạnh đó, việc trao đổi sinh viên sau đại học hay đào tạo tiến sĩ cho một số cán bộ cho các nước Đông Dương là xu thế tất yếu trong tương lai. Vì vậy nhu cầu nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở đại học là cấp bách.

Phân tích ở trên cho thấy rằng nhu cầu hiện nay về nguồn nhân lực có trình độ Tiến sĩ nói chung và ngành Kỹ thuật Nhiệt nói riêng là rất lớn nhưng các cơ sở đào tạo, đặc biệt là ở khu vực phía Nam thực sự chưa đáp ứng được nhu cầu về lực lượng Tiến sĩ ngành Kỹ thuật Nhiệt. Chính vì vậy, việc cho phép các cơ sở đào tạo có đủ điều kiện mở ngành đào tạo bậc Tiến sĩ các ngành nói chung và ngành Kỹ thuật Nhiệt nói riêng là hết sức cần thiết.

1.2.3. Sự phù hợp với chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo

Chiến lược phát triển của Trường ĐHSPKT TP.HCM theo Nghị quyết số 178/NQ-HĐT của Hội đồng trường ngày 28/9/2024 về việc phê duyệt Kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2024-2030, tầm nhìn 2035 đã đặt ra mục tiêu chiến lược phát triển thành trường đại học thông minh vào những năm 2025 – 2030, theo định hướng ứng dụng đa ngành, đa lĩnh vực phù hợp các chuẩn mực khu vực và quốc tế; hoạt động tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình, trách nhiệm xã hội. Trường đặt mục tiêu đổi mới hệ thống quản lý - quản trị, nhân sự nhà trường theo cơ chế tự chủ toàn phần, hội nhập quốc tế theo định hướng ứng dụng triệt để TQM, IoT, thúc đẩy tinh thần sáng tạo và khởi nghiệp trong tất cả các lĩnh vực công tác và hoạt động của trường, tạo nền tảng cho việc phát huy mọi tài năng và các nguồn lực trong và ngoài trường, tiến tới đổi mới mô hình phát triển trường theo định hướng Đại học – Doanh nghiệp. Bên cạnh đó Trường tiếp tục xây dựng môi trường học thuật sáng tạo, hội nhập cả trong giảng dạy, học tập và cả trong NCKH, chuyển giao công nghệ để thu hút được các sinh viên giỏi, cán bộ giảng dạy, cán bộ khoa học trình độ cao, ưu tú trong và ngoài nước. Ngoài ra, Trường thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục, xếp hạng của trường và các chương trình đào tạo theo các tiêu chuẩn của khu vực và quốc tế. Tiếp theo, Trường xây dựng hệ thống cơ sở vật chất hiện đại, từng bước được chuẩn hóa đáp ứng đổi mới mô hình đào tạo, NCKH, chuyển giao công nghệ; xây dựng hệ thống Công nghệ thông tin – Truyền

V.
IG
SUF
HU
CHI
★



thông bằng thông rộng, hệ thống Cơ sở dữ liệu lớn (big data), hệ thống module ứng dụng trong thống kê, phân tích, đánh giá dữ liệu phục vụ cho công tác quản lý- quản trị, cải tiến chất lượng đào tạo và nghiên cứu dựa trên dữ liệu đã được phân tích, đánh giá.

Tính đến tháng 5 năm 2025, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. HCM đã có khoảng 54 Thạc sĩ tốt nghiệp từ ngành Kỹ thuật Nhiệt. Trường Đại học Bách khoa TP. HCM đạt khoảng 150 Thạc sĩ đã tốt nghiệp cùng ngành. Trường Đại học Công nghiệp TP. HCM cũng có 5 Thạc sĩ đã tốt nghiệp cùng ngành.

Trong những năm gần đây, số lượng cựu sinh viên ngành Công nghệ nhiệt của trường Đại học sư phạm Kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh và các trường Kỹ thuật phía Nam tham gia giảng dạy trong các trường Đại học và Cao Đẳng trong cả nước và công tác trong các công ty, doanh nghiệp lớn ở khu vực phía Nam ngày càng tăng, hầu hết các giảng viên này chỉ có trình độ Thạc sĩ/Kỹ sư. Vì vậy nhu cầu nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở đại học này là lớn.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc đào tạo chuyên gia nghiên cứu, để phát huy hơn nữa khả năng cống hiến của các cựu sinh viên trường nói riêng và đội ngũ cán bộ nghiên cứu trong lĩnh vực Kỹ thuật Nhiệt nói chung, việc mở ngành đào tạo Tiến sĩ ngành Kỹ thuật Nhiệt là hết sức cần thiết.

PHẦN 2

TÓM TẮT ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

2.1. ĐIỀU KIỆN TỰ CHỦ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

Trường ĐHSPKT TP.HCM được giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2023 - 2025 cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc theo Quyết định số 465/QĐ-BGDĐT ngày 31/01/2024. Hội đồng trường Trường ĐHSPKT TP.HCM được công nhận theo Quyết định số 2308/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2025. Hội đồng trường đã ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHSPKT TP.HCM và các quy chế, quy định, quy trình quản lý nội bộ khác. Trường đã công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng và các thông tin khác theo quy định của pháp luật.

Trường đã được đánh giá ngoài theo chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đạt chuẩn năm 2023 theo Quyết định số 98/QĐ-TTKĐ ngày 07/7/2023; vào sổ đăng ký số 2023.36/CEAHCM/ĐH.

Theo số liệu theo báo cáo số 1461/BC-ĐHSPKT Báo cáo tóm tắt dữ liệu HEMIS phân hệ chuẩn cơ sở giáo dục ngày 05/5/2025, Trường ĐHSPKT TP.HCM đạt các tiêu chí của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học áp dụng cho cơ sở đào tạo tiến sĩ với thông tin chi tiết trong Bảng 2.1.

Bảng 2.1. Kết quả đánh giá tiêu chí áp dụng cho cơ sở đào tạo tiến sĩ

Tiêu chí	Yêu cầu	Thực tế	Kết luận
Tiêu chí 2.3 về tỉ lệ GV toàn thời gian có trình độ tiến sĩ	Không thấp hơn 40% và từ năm 2030 không thấp hơn 50% đối với cơ sở giáo dục đại học có đào tạo tiến sĩ.	45,87%	Đạt
Tiêu chí 6.1 về tỉ trọng thu từ các hoạt động khoa học và công nghệ	Tính trung bình trong 3 năm gần nhất không thấp hơn 5%.	5,0%	Đạt
Tiêu chí 6.2 về số lượng công bố khoa học và công nghệ tính bình quân trên một GV toàn thời gian	Không thấp hơn 0,6 bài/năm trong đó số bài có trong danh mục Web of Science hoặc Scopus không thấp hơn 0,3 bài/năm	0,98 / 0,4	Đạt

Ngành đào tạo Công nghệ Kỹ thuật Nhiệt trình độ đại học mã ngành 7510206 của Trường ĐH SPKT TP.HCM đạt kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn của Bộ GDĐT vào năm 2024 theo Quyết định số 164/QĐ-TTKĐ ngày 19/7/2024.

Ngành Công nghệ Kỹ thuật Nhiệt ở trình độ đại học ở Trường ĐH SPKT TP.HCM đã được xây dựng và kiểm định quốc gia, cung cấp nền tảng kiến thức toàn diện về lĩnh vực cơ lưu chất, nhiệt động lực học kỹ thuật, truyền nhiệt, kỹ thuật lạnh, điều hòa không khí, kỹ thuật sấy, lò hơi, nhà máy nhiệt điện,.. Đây chính là những khối kiến thức cốt lõi, có tính liên thông trực tiếp với ngành Kỹ thuật nhiệt ở bậc cao hơn. Sự tương đồng về mục tiêu, chuẩn đầu ra và khối kiến thức cơ sở ngành cho thấy CTĐT ngành Công nghệ Kỹ thuật Nhiệt ở trình độ đại học là phù hợp và là nền tảng để mở ngành Kỹ thuật nhiệt ở trình độ thạc sĩ và tiến sĩ.

Ngành đào tạo Kỹ thuật Nhiệt trình độ thạc sĩ mã ngành 8520115 (mã cũ 60520115) của Trường ĐH SPKT TP.HCM được phép đào tạo từ năm 2015 theo Quyết định số 5311/QĐ-BGDĐT ngày 11/11/2014 và đạt kiểm định chất lượng CTĐT theo tiêu chuẩn của Bộ GDĐT vào năm 2025 theo Quyết định số 383/QĐ-KĐCLGDSG ngày 09/05/2025.

Hội đồng trường Trường ĐH SPKT TP.HCM đã phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo Kỹ thuật Nhiệt trình độ tiến sĩ mã ngành 9520115 theo Nghị quyết số 256/NQ-HĐT ngày 27/06/2025.

Do đó, Trường ĐH SPKT TP.HCM đủ điều kiện tự chủ mở ngành đào tạo Kỹ thuật Nhiệt trình độ tiến sĩ mã ngành 9520115 theo các quy định hiện hành.

2.2. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN CƠ HỮU

Đối chiếu Điều 6. Điều kiện mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ của Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT, hiện tại, Trường ĐHSKKT TP.HCM có đủ 05 GV cơ hữu, bao gồm 03 PGS và 02 TS có chuyên môn phù hợp chủ trì xây dựng, tổ chức đào tạo ngành Kỹ thuật Nhiệt trình độ tiến sĩ được thể hiện ở Bảng 2.2.

Tất cả 05 GV cơ hữu đều có bằng tiến sĩ ngành phù hợp chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo. Số lượng 5/5 giảng viên đứng tên mở ngành đủ tiêu chuẩn của người giảng dạy / hướng dẫn nghiên cứu sinh theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ quy định tại Điều 5 Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT và Điều 5

Quyết định số 294/QĐ-ĐHSPKT ngày 25/01/2024 về Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường ĐHSPKT TP.HCM.

Bảng 2.2. Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện ngành đào tạo Kỹ thuật Nhiệt trình độ tiến sĩ

STT	Họ và tên, năm sinh	Chuyên môn	Thông tin đáp ứng quy định chủ trì mở ngành
1	PGS.TS. Đặng Thành Trung, Sinh năm: 1978 Tiến sĩ năm: 2010	- Tên văn bằng TS: Doctor of Philosophy - Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp: Kỹ thuật Cơ khí - Luận án tiến sĩ thuộc lĩnh vực: Kỹ thuật Nhiệt PGS ngành -Cơ khí – Động lực Chuyên ngành Công nghệ nhiệt lạnh	- Giảng viên cơ hữu của Trường. - Kinh nghiệm giảng dạy đại học 22 năm - Kinh nghiệm giảng dạy SĐH (nếu có): 15 năm - Kinh nghiệm quản lý 15 năm: P. Trưởng khoa và Trưởng bộ môn - Trong 5 năm (từ 2020 - nay) đã: + Công bố 11 bài báo khoa học với vai trò là tác giả chính (tác giả đứng đầu hoặc tác giả liên hệ) từ các tạp chí được HDGSNN tính điểm từ 0,75 trở lên, + Có 7 bài báo khoa học thuộc danh mục SCIE của WoS hoặc sách chuyên khảo/chương sách tham khảo do các NXB uy tín quốc tế phát hành (bắt buộc đối với lĩnh vực khoa học, kỹ thuật) + Có tổng điểm công trình là 20,5
2	PGS.TS. Hoàng An Quốc, Sinh năm: 1974	- Tên văn bằng TS: Tiến sĩ - Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp: Tiến sĩ Kỹ	- Giảng viên cơ hữu của Trường. - Kinh nghiệm giảng dạy đại học 22 năm - Kinh nghiệm giảng dạy SĐH (nếu có): 15 năm - Kinh nghiệm quản lý 16 năm: Trưởng

	<p>Tiến sĩ năm: 2009</p> <p>thuật (chuyên ngành Công nghệ Thiết bị lạnh)</p> <p>- Luận án tiến sĩ thuộc lĩnh vực: Kỹ thuật Nhiệt</p> <p>PGS ngành -Cơ khí – Động lực</p> <p>Chuyên ngành Công nghệ nhiệt lạnh</p>	<p>phòng KH&CN; P. Trưởng khoa</p> <p>- Trong 5 năm (từ 2020 - nay) đã:</p> <p>+ Công bố 2 bài báo khoa học với vai trò là tác giả chính (tác giả đứng đầu hoặc tác giả liên hệ) từ các tạp chí được HDGSNN tính điểm từ 0,75 trở lên.</p> <p>+ Có 1 bài báo khoa học thuộc danh mục SCIE của WoS hoặc sách chuyên khảo/chương sách tham khảo do các NXB uy tín quốc tế phát hành (bắt buộc đối với lĩnh vực khoa học, kỹ thuật)</p> <p>+ Có tổng điểm công trình là 4,5.</p>
3	<p>PGS.TS. Lê Minh Nhựt,</p> <p>Sinh năm: 1976</p> <p>Tiến sĩ năm 2014</p> <p>- Tên văn bằng TS: Doctor of Philosophy</p> <p>- Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp: Kỹ thuật Cơ khí</p> <p>- Luận án tiến sĩ thuộc lĩnh vực: Kỹ thuật Nhiệt</p> <p>PGS ngành -Cơ khí – Động lực</p> <p>Chuyên ngành Công nghệ nhiệt lạnh</p>	<p>- Giảng viên cơ hữu của Trường.</p> <p>- Kinh nghiệm giảng dạy đại học 22 năm</p> <p>- Kinh nghiệm giảng dạy SDH (nếu có): 11 năm</p> <p>- Kinh nghiệm quản lý: P. Trưởng khoa và Trưởng bộ môn</p> <p>- Trong 5 năm (từ 2020 - nay) đã:</p> <p>+ Công bố 10 bài báo khoa học với vai trò là tác giả chính (tác giả đứng đầu hoặc tác giả liên hệ) từ các tạp chí được HDGSNN tính điểm từ 0,75 trở lên,</p> <p>+ Có 4 bài báo khoa học thuộc danh mục SCIE của WoS hoặc sách chuyên khảo/chương sách tham khảo do các NXB uy tín quốc tế phát hành (bắt buộc đối với lĩnh vực khoa học, kỹ thuật)</p> <p>+ Có tổng điểm công trình là 16,5</p>

4	<p>TS. Đặng Hùng Sơn, Sinh năm: 1986 Tiến sĩ năm 2018</p>	<p>- Tên văn bằng TS: Doctor of Philosophy</p> <p>- Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp: Kỹ thuật Cơ khí</p> <p>- Luận án tiến sĩ thuộc lĩnh vực: Truyền nhiệt lưu chất và tối ưu hóa</p>	<p>- Giảng viên cơ hữu của Trường.</p> <p>- Kinh nghiệm giảng dạy đại học 16 năm</p> <p>- Trong 5 năm (từ 2020 - nay) đã:</p> <p>+ Công bố 3 bài báo khoa học với vai trò là tác giả chính (tác giả đứng đầu hoặc tác giả liên hệ) từ các tạp chí được HDGSNN tính điểm từ 0,75 trở lên,</p> <p>+ Có 3 bài báo khoa học thuộc danh mục SCIE của WoS hoặc sách chuyên khảo/chương sách tham khảo do các NXB uy tín quốc tế phát hành (bắt buộc đối với lĩnh vực khoa học, kỹ thuật)</p> <p>+ Có tổng điểm công trình là 4,5</p>
5	<p>TS. Nguyễn Văn Vũ, Sinh năm: 1987 Tiến sĩ năm 2021</p>	<p>- Tên văn bằng TS: Doctor of Philosophy</p> <p>- Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp: Kỹ thuật Cơ khí</p> <p>Chuyên ngành: Cơ học ứng dụng</p> <p>- Luận án tiến sĩ thuộc lĩnh vực: Kỹ thuật Nhiệt-Lưu chất</p>	<p>- Giảng viên cơ hữu của Trường.</p> <p>- Kinh nghiệm giảng dạy đại học 2 năm</p> <p>- Trong 5 năm (từ 2020 - nay) đã:</p> <p>+ Công bố 2 bài báo khoa học với vai trò là tác giả chính (tác giả đứng đầu hoặc tác giả liên hệ) từ các tạp chí được HDGSNN tính điểm từ 0,75 trở lên,</p> <p>+ Có 2 bài báo khoa học thuộc danh mục SCIE của WoS hoặc sách chuyên khảo/chương sách tham khảo do các NXB uy tín quốc tế phát hành (bắt buộc đối với lĩnh vực khoa học, kỹ thuật)</p> <p>+ Có tổng điểm công trình là 6,0</p>

Đội ngũ GV tham gia tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (Bảng 2.3) có 11 GV với 3 PGS, 8 TS đã đáp ứng đầy đủ điều kiện về đội ngũ GV để thực hiện chương trình đào tạo cho toàn bộ khóa học và bảo đảm mỗi học phần của chương trình đào tạo phải có ít nhất 02 GV có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm, mỗi GV giảng dạy không quá 03 học phần trong chương trình đào tạo. Ngoài ra, bộ môn còn có 01 giảng viên toàn thời gian (Hợp đồng hưu trí) là GS.TS Nguyễn Hay.

Bên cạnh đó đội ngũ GV có khả năng hướng dẫn nghiên cứu sinh xây dựng đề cương nghiên cứu và thực hiện tiểu luận tổng quan, chuyên đề, luận án. Với thành tựu về triển khai đề tài NCKH và nhiều bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước, có thể khẳng định đội ngũ GV tham gia giảng dạy có đủ khả năng và điều kiện để tổ chức Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ theo Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường ĐHSPKT TP.HCM. Thông tin chi tiết về Danh sách GV, nhà khoa học được trình bày theo Phụ lục 1 và 2.

Lực lượng GV tham gia tổ chức thực hiện chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Nhiệt trình độ tiến sĩ có chuyên môn phù hợp được chứng minh qua văn bằng tiến sĩ hoặc công nhận học hàm, lĩnh vực luận án tiến sĩ, kinh nghiệm giảng dạy trình độ đại học/sau đại học, hướng NCKH và các công trình khoa học đã công bố; thể hiện chi tiết trong Lý lịch khoa học trong phần Phụ lục 10. Đội ngũ GV đã từng thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu khoa học thuộc các cấp khác nhau (cấp cơ sở đến cấp Bộ) và có nhiều công trình nghiên cứu khoa học đã được công bố trên các tạp chí uy tín, chi tiết được liệt kê theo Phụ lục 4 và 5.

Bảng 2.3. Danh sách giảng viên cơ hữu tham gia tổ chức thực hiện chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Nhiệt trình độ tiến sĩ

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)
1	Đặng Thành Trung 1978 Giảng viên cao cấp	PGS 2013	TS, Đài Loan (2010)	Kỹ thuật Nhiệt	2010	05 giáo trình và 03 tài liệu tham khảo; 44 bài báo quốc tế (có 11 SCIE, 03 ESCI và 01

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)
						Scopus); 08 chương sách quốc tế (có 04 Scopus); 31 bài báo hội nghị quốc tế; 13 bài báo tạp chí trong nước và 12 bài báo hội nghị trong nước. Chủ trì và đã nghiệm thu 02 đề tài cấp Bộ và 02 đề tài cấp TP. HCM; 15 đề tài cấp trường.
2	Hoàng An Quốc 1974	PGS 2013	TS, Việt Nam (2009)	Kỹ thuật Nhiệt/ Hệ thống máy và thiết bị lạnh	2010	7 bài báo quốc tế + 13 bài báo hội nghị quốc tế + 12 bài báo tạp chí trong nước + 7 đề tài NCKH cấp trường + 1 đề tài cấp ĐHQG TpHCM + 3 đề tài cấp Bộ
3	Lê Minh Nhựt 1976	PGS 2023	TS, Hàn Quốc (2014)	Kỹ thuật Nhiệt	2014	11 bài báo quốc tế + 5 bài báo hội nghị quốc tế + 12 bài báo tạp chí trong nước
4	Đặng Hùng Sơn 1986	GV	TS, Đài Loan (2017)	Cơ khí/ Truyền nhiệt và lưu chất	2018	6 bài báo quốc tế (5 bài SCI) 15 bài hội nghị quốc tế IEEE, 4 bài báo tạp chí trong nước,

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)
						1 chapter, 2 đề tài NCKH cấp trường
5	Nguyễn Văn Vũ 1987	GV	TS, Séc (2021)	Cơ khí/Cơ học ứng dụng	2023	05 bài SCIE Q1; 02 bài SCIE Q2; 02 bài SCIE Q3; 01 bài báo quốc tế khác và 05 bài báo trên kỷ yếu hội nghị quốc tế Scopus
6	Trần Thanh Tinh 1985	GV	TS, Pháp (2013)	Cơ khí/Cơ lưu chất	2013	06 bài báo quốc tế WoS (5 Q1 + 1 Q3) + 25 bài hội nghị quốc tế + 02 bài tạp chí trong nước + 01 đề tài cấp Bộ (tham gia)
7	Đoàn Minh Hùng 1982	GV	TS, Việt Nam (2022)	Kỹ thuật Cơ khí	2022	08 bài báo quốc tế + 10 bài tạp chí trong nước + 4 bài hội nghị quốc tế + 5 bài hội nghị trong nước + 10 đề tài NCKH cấp trường
8	Nguyễn Xuân Viên 1987	GV	TS, Đài Loan (2017)	Cơ khí/Năng lượng tái tạo	2018	04 bài SCIE Q1; 04 bài SCIE Q2; 04 bài SCIE Q3; 01 bài báo quốc tế khác và 05 bài báo trên kỷ yếu hội nghị quốc tế IEEE và Scopus

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)
9	Nguyễn Trần Phú 1987	GV	TS, Đài Loan (2018)	Cơ khí/Kỹ thuật Nhiệt	2022	01 bài SCIE Q1; 2 bài SCIE Q2 và 01 bài báo trên kỷ yếu hội nghị quốc tế IEEE và Scopus
10	Huỳnh Thị Minh Thư 1983	GV	TS, Nhật Bản (2014)	Cơ khí/Nhiệt-Lưu chất	2022	02 bài SCIE (Q1) và 17 bài báo trên kỷ yếu hội nghị quốc tế IEEE và Scopus
11	Nguyễn Trọng Hiếu 1983	GV	TS, Việt Nam (2023)	Cơ khí/Kỹ thuật Nhiệt	2024	01 bài SCIE (Q2); 01 bài báo quốc tế khác và 05 bài báo trên kỷ yếu hội nghị quốc tế IEEE và Scopus
12	Nguyễn Hay	GS 2015	TS, Việt Nam (1998)	Cơ khí/Kỹ thuật Nhiệt		01 sách chuyên khảo, 04 giáo trình; 75 bài báo tạp chí trong nước, 44 bài báo khoa học tạp chí nước ngoài; 06 chương sách nước ngoài

Ngành Kỹ thuật Nhiệt trình độ tiến sĩ là ngành đào tạo phù hợp với ngành Kỹ thuật Nhiệt trình độ thạc sĩ đã được đào tạo tại Trường ĐHSPKT TP.HCM từ năm 2015 nên cơ sở giáo dục có nhiều kinh nghiệm trong tổ chức đào tạo, NCKH đối với ngành này.

Với những phân tích trên, Trường ĐHSPKT TP.HCM tự đánh giá đáp ứng điều kiện về đội ngũ GV theo quy định tại Điều 3 và Điều 6 về điều kiện mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ của Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT.

2.3. CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, THƯ VIỆN, GIÁO TRÌNH

2.3.1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo

Trường ĐHSPKT TP.HCM hiện có 02 cơ sở đào tạo và một phân hiệu, cụ thể như sau:

+ Cơ sở I – Cơ sở chính (tọa lạc tại số 01 Võ Văn Ngân, Phường Thủ Đức TP.HCM) với tổng diện tích 162.268 m², diện tích xây dựng là 36.646 m².

+ Cơ sở II (tọa lạc tại 484 Lê Văn Việt, Phường Tăng Nhơn Phú, TP. HCM) với tổng diện tích là 44.408 m², diện tích xây dựng là 7.373 m².

+ Phân hiệu của Trường tại Bình Phước (tọa lạc tại 897 quốc lộ 14, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai) với tổng diện tích 90.008 m².

Hiện Trường có 213 phòng thí nghiệm, thực hành, xưởng thực tập, trung tâm nghiên cứu với 42.202m²; bên cạnh đó là các nhà tập đa năng, sân thể thao, phòng học lý thuyết/ phòng học đa phương tiện, thư viện, trung tâm học liệu, khu tự học của sinh viên cùng các công trình khác (khu dịch vụ, căn tin, nhà xe,...).

Trường ĐHSPKT TP.HCM có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỷ lệ diện tích sàn trên người học là 3.06 m² đáp ứng quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT theo quy định hiện hành. Hiện nay, Trường có 240 phòng học bao gồm 19 phòng máy tính, đa phương tiện, có 163 phòng có sức chứa dưới 100 chỗ, 56 phòng có sức chứa từ 100 đến 200 chỗ, 02 phòng có sức chứa lớn hơn 200 chỗ ngồi và 01 hội trường. Trường có đủ phòng học, phòng chuyên đề với trang thiết bị cần thiết bảo đảm điều kiện học tập và giúp người học có thể triển khai thực hành, thực tập, nghiên cứu.

Khoa Cơ khí Động lực có trang bị 7 khu vực cho thực hành xưởng (bao gồm 01 trung tâm đào tạo và thực hành hệ thống điều hòa không khí) phục vụ cho các nghiên cứu sinh ngành Kỹ thuật Nhiệt có thể chế tạo mô hình thực nghiệm. Hầu như mỗi tiến sĩ ở Bộ môn Công nghệ Nhiệt – Điện lạnh có một phòng thí nghiệm cho nghiên cứu, đặc biệt cho sau đại học. Hiện tại, bộ môn có 7 phòng thí nghiệm chủ yếu phục vụ cho sau đại học để các học viên nghiên cứu: Phòng thí nghiệm Truyền nhiệt; Lạnh và điều hòa không khí; Truyền nhiệt; Tối ưu hóa và truyền nhiệt lưu biến; Mô phỏng số; Năng lượng nhiệt; Tự động hóa; Nhiệt động và lưu chất

Thông tin chi tiết được về cơ sở vật chất đính kèm theo Phụ lục 6.

2.3.2. Thư viện, giáo trình

Thư viện Trường ĐHSPKT TP.HCM có cả thư viện truyền thống và thư viện điện tử. Theo thống kê tính đến 06/2025, Thư viện trường với tổng diện tích 4.496 m² với hơn 1000 chỗ ngồi, bố trí ở 2 khu vực của nhà trường. Thư viện khu A: Phòng Đọc, phòng Mượn – Trả, Văn phòng Thư viện. Phòng Đọc Beehive (Tầng hầm toà nhà trung tâm): Phục vụ các hoạt động tự học của người sử dụng Thư viện.

Hệ thống thư viện được trang bị hiện đại, ứng dụng phần mềm quản lý thư viện chuyên dụng LIBOL, cho phép tra cứu – mượn – trả tài liệu nhanh chóng và hiệu quả. Thư viện cung cấp không gian học tập với hàng trăm chỗ ngồi, khu vực nghiên cứu riêng biệt và hệ thống máy tính tra cứu được kết nối liên thông.

Về tài nguyên học thuật, thư viện hiện lưu trữ tổng số đầu sách: 33.904 đầu sách; Tổng số bản sách: 526.312 bản; Tổng số bản đồ án tốt nghiệp: 12.707 bản; Tổng số luận văn Thạc sĩ và báo cáo NCKH: 8.632 bản; Tổng số sách giáo trình điện tử: 400 đầu; Báo, tạp chí: 14 tên báo, tạp chí trong nước.

Thư viện có quyền truy cập 6 cơ sở dữ liệu điện tử bên ngoài gồm ProQuest Central, Springer Link, IEEE Xplore Digital, Policy Commons, Khoa học và Công nghệ Việt Nam và cơ sở dữ liệu của Trường ĐHSPKT TP.HCM. Hệ thống thư viện đảm bảo đủ giáo trình, tài liệu hỗ trợ giảng dạy, học tập, nghiên cứu của GV và người học. Số lượng sách và giáo trình hiện có phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành Kỹ thuật nhiệt dự kiến mở trình độ tiến sĩ là 55. Thông tin chi tiết đính kèm theo Phụ lục 7.

Trường ĐHSPKT TP.HCM có đủ phòng học, phòng chuyên đề, phòng thí nghiệm, phòng nghiên cứu với trang thiết bị cần thiết bảo đảm để nghiên cứu sinh có thể triển khai thực hiện các nghiên cứu trong đề tài luận án tiến sĩ. Thư viện Trường ĐHSPKT TP.HCM có đủ nguồn thông tin tư liệu và phương tiện để nghiên cứu sinh tìm hiểu, tra cứu khi thực hiện luận án. Các sách, giáo trình, tạp chí khoa học trong và ngoài nước, thư viện điện tử có thể liên kết với các cơ sở đào tạo cùng lĩnh vực, cùng chuyên ngành đào tạo trong và ngoài nước. Tóm lại, Trường ĐHSPKT TP.HCM có đủ cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu bảo đảm điều kiện học tập và giúp người học có thể triển khai thực hiện thành công đề tài luận án tiến sĩ.

2.4. CÁC HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Đội ngũ GV Khoa Cơ khí Động lực có năng lực NCKH mạnh so với mặt bằng chung của Trường thể hiện thông qua số đề tài NCKH các cấp và số bài báo công bố trong WoS/Scopus. Thông tin chi tiết đính kèm theo Phụ lục 4, Phụ lục 5 và Lý lịch khoa học trong phần Phụ lục 10.

Điều này chứng tỏ năng lực NCKH của đội ngũ GV hoàn toàn đáp ứng khả năng đào tạo ngành Kỹ thuật Nhiệt trình độ tiến sĩ.

2.5. HỢP TÁC TRONG ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Khoa Cơ khí Động lực và Bộ môn Công nghệ Nhiệt – Điện lạnh có mối quan hệ hợp tác chặt chẽ trong đào tạo và nghiên cứu với nhiều trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp uy tín trong và ngoài nước:

- **Hợp tác quốc tế:** Trường ĐH Trung Nguyên (CYCU, Đài Loan), Trường ĐH Kyushu (Nhật Bản), Trường ĐH Quốc gia Chung Hsing (NCHU, Đài Loan), Trường ĐH Rajamangala (RMUTL, Thái Lan),...

- **Hợp tác doanh nghiệp:** Toyota Việt Nam, Isuzu Việt Nam, Samsung VN, Daikin VN, Toshiba-Carrier VN, Bitzer, Guntner, Searefico, Nestle...

- **Hoạt động hợp tác:** Trao đổi giảng viên, sinh viên; thực hiện các dự án nghiên cứu chung; tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học; nhận tài trợ trang thiết bị, học bổng; các chương trình đào tạo theo yêu cầu doanh nghiệp.

2.6. ĐIỀU KIỆN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ

2.6.1. Đơn vị phụ trách quản lý hành chính

Đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý hành chính các chương trình đào tạo trình độ sau đại học của Trường ĐHSPKT TP.HCM là Phòng Đào tạo – Bộ phận Sau đại học.

2.6.2. Đơn vị quản lý cấp khoa đối với ngành Kỹ thuật Nhiệt trình độ tiến sĩ

Đơn vị chuyên môn được giao quản lý các hoạt động chuyên môn, giảng viên, người học đối với ngành Kỹ thuật nhiệt trình độ tiến sĩ là Khoa Cơ khí Động lực. Cán bộ cơ hữu quản lý ngành đào tạo cấp đơn vị chuyên môn được thể hiện ở Bảng 2.4. Thông tin chi tiết đính kèm theo Phụ lục 3.

Bảng 2.4. Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa quản lý ngành đào tạo

Số TT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Long Giang, 1975, Trưởng khoa	Tiến sĩ, 2018	Kỹ thuật Cơ khí động lực	Phụ trách chung
2	Nguyễn Văn Trạng, 1980, Phó trưởng khoa	Tiến sĩ, 2014	Kỹ thuật Cơ khí	Phụ trách đào tạo
3	Đỗ Quốc Âm, 1965, Phó trưởng khoa	Tiến sĩ, 2021	Kỹ thuật Cơ khí	Phụ trách cơ sở vật chất và đảm bảo chất lượng
4	Hoàng An Quốc, 1974, Phó trưởng khoa	Tiến sĩ, 2009	Công nghệ Thiết bị lạnh	Phụ trách nghiên cứu khoa học và quan hệ quốc tế

2.7. ĐIỀU KIỆN SẴN SÀNG CHUYÊN SANG DẠY HỌC TRỰC TUYẾN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO THEO QUY ĐỊNH

Trường ĐHSPKT TP.HCM có nền tảng dạy học số và đang vận hành <https://utexlms.hcmute.edu.vn>

100% GV của trường có kinh nghiệm sử dụng nền tảng dạy học số này trong giảng dạy trực tuyến và kết hợp.

Trường đã ban hành Quy chế quản lý, tổ chức đào tạo trực tuyến theo Quyết định số 3771/QĐ-ĐHSPKT ngày 27/12/2024 của Trường ĐHSPKT TP.HCM.

Trường ĐHSPKT TP.HCM đủ điều kiện sẵn sàng chuyên sang dạy học trực tuyến đảm bảo chất lượng đào tạo theo quy định.

PHẦN 3

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

3.1. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Giáo dục đại học ngày 18/06/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;
- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;
- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
- Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;
- Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;
- Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;
- Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024: Sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;
- Quyết định số 465/QĐ-BGDĐT ngày 31/01/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2023 - 2025 cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc;
- Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 08/01/2021, Nghị quyết số 118/NQ-HĐT ngày 27/01/2023, Nghị quyết số 136/NQ-HĐT ngày 14/10/2023, Nghị quyết số 182/NQ-HĐT ngày 28/9/2024 và Nghị quyết số 212/NQ-HĐT ngày 18/10/2024 của Hội đồng trường

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM;

– Quyết định số 2311/QĐ-ĐHSPKT ngày 28/12/2021 của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM về việc ban hành Quy định chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT trình độ tiến sĩ, thạc sĩ;

– Quyết định 294/QĐ-ĐHSPKT ngày 25/01/2024 của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM.

3.2. QUYẾT ĐỊNH, VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

– Biên bản họp số 1516/BB-HĐKHĐT ngày 09/05/2025 Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường thẩm định đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo Kỹ thuật nhiệt - trình độ tiến sĩ;

– Nghị quyết số 256/NQ-HĐT ngày 27/06/2025 của Hội đồng trường phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo Kỹ thuật nhiệt - trình độ tiến sĩ;

– Quyết định số 2552/QĐ-ĐHSPKT ngày 18/07/2025 của Trường ĐHSPKT TP.HCM về việc thành lập Hội đồng xây dựng CTĐT trình độ tiến sĩ ngành Kỹ thuật nhiệt;

– Quyết định số 2916/QĐ-ĐHSPKT ngày 6/08/2025 của Trường ĐHSPKT TP.HCM về việc thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT ngành Kỹ thuật nhiệt trình độ tiến sĩ;

– Biên bản phiên họp thẩm định CTĐT ngành Kỹ thuật nhiệt trình độ tiến sĩ ngày 15/8/2025 của Hội đồng thẩm định;

– Tờ trình phản hồi và chỉnh sửa CTĐT theo góp ý của Hội đồng thẩm định CTĐT ngày 19/8/2025;

– Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường số 2893/BB-ĐHSPKT ngày 21/8/2025 thông qua CTĐT ngành Kỹ thuật nhiệt - trình độ tiến sĩ;

– Quyết định số 2986/QĐ-ĐHSPKT ngày 13/8/2025 của Trường ĐHSPKT TP.HCM ban hành chuẩn đầu ra CTĐT ngành Kỹ thuật Nhiệt trình độ tiến sĩ;

– Quyết định số 3104/QĐ-ĐHSPKT ngày 22/8/2025 của Trường ĐHSPKT TP.HCM ban hành CTĐT ngành Kỹ thuật Nhiệt trình độ tiến sĩ.



3.3. THAM KHẢO VÀ ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Nhiệt trình độ tiến sĩ được xây dựng có tham khảo, đối sánh với CTĐT của 02 đại học nước ngoài, 02 CTĐT trong nước : CTĐT ngành Kỹ thuật Cơ khí (Mechanical Engineering) trình độ tiến sĩ của Đại học Quốc Lập Trung Ương (National Central University – NCU, Đài Loan; CTĐT ngành Kỹ thuật Cơ khí trình độ tiến sĩ của Đại học Trung Nguyên (Chung Yuan Christian University – CYCU, Đài Loan; CTĐT ngành Kỹ thuật Nhiệt trình độ tiến sĩ của trường ĐH Bách khoa TP. HCM và CTĐT ngành Kỹ thuật Nhiệt trình độ tiến sĩ của trường ĐH Bách khoa Đà Nẵng.

Nhìn chung, CTĐT của Trường ĐHSPTK TP.HCM có thời gian đào tạo tương đương các trường đào tạo tiến sĩ. Mục tiêu CTĐT của Trường ĐHSPTK TP.HCM tương đối toàn diện, bao phủ cả nghiên cứu, đạo đức, đổi mới và hội nhập quốc tế. Chuẩn đầu ra CTĐT của Trường ĐHSPTK TP.HCM công bố chuẩn đầu ra cụ thể theo nhóm năng lực, thể hiện rõ chuẩn đầu ra theo hướng tiếp cận hiện đại, tương thích với Khung trình độ quốc gia. Khối lượng kiến thức toàn khoá CTĐT của Trường ĐHSPTK TP.HCM là 90 tín chỉ phù hợp với các quy định về đào tạo trong nước và cao hơn các trường đại học ở Đài Loan. Về học phần tự chọn trong CTĐT của Trường ĐHSPTK TP.HCM mang tính ứng dụng cao và phù hợp với bối cảnh ngành. Về tiểu luận tổng quan và chuyên đề, CTĐT của Trường ĐHSPTK TP.HCM có cấu trúc rõ ràng với tổng cộng 45 TC giúp tạo nền tảng vững chắc cho luận án. Về luận án, CTĐT của Trường ĐHSPTK TP.HCM phân bổ khối lượng tín chỉ cho luận án ở mức phù hợp giữa nghiên cứu và học phần theo quy định.

Như vậy, CTĐT của Trường ĐHSPTK TP.HCM được thiết kế và xây dựng phù hợp phê duyệt khung trình độ quốc gia và các quy định hiện hành tại Việt Nam, mang tính ứng dụng cao, linh hoạt và phù hợp với bối cảnh ngành Kỹ thuật Nhiệt đang được đào tạo trong nước, khu vực và quốc tế.

3.4. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1	Tên ngành đào tạo (Tiếng Việt và tiếng Anh)	Kỹ thuật Nhiệt Thermal Engineering
2	Mã ngành	9520115
3	Đơn vị quản lý	Khoa Cơ khí Động lực
4	Chuẩn đầu vào	
4.1	Yêu cầu chung	a) Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp;

		<p>b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 4 theo Khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc trình độ tương đương trở lên);</p> <p>c) Có năng lực, kinh nghiệm nghiên cứu.</p>
4.2	Ngành phù hợp không học bổ sung kiến thức	<p>a) Đối với đầu vào trình độ thạc sĩ: Kỹ thuật Nhiệt</p> <p>b) Đối với đầu vào trình độ đại học: Công nghệ Kỹ thuật Nhiệt, Kỹ thuật Nhiệt.</p>
4.3	Ngành khác cần học bổ sung kiến thức	Công nghệ thực phẩm, Kỹ thuật thực phẩm, Công nghệ sau thu hoạch, Công nghệ chế biến thủy sản, Kỹ thuật Cơ khí, Kỹ thuật Cơ khí Động lực, Cơ Kỹ thuật, Kỹ thuật hàng không, Kỹ thuật không gian, Kỹ thuật Ô tô, Kỹ thuật tàu thủy, Kỹ thuật năng lượng.
5	Mục tiêu	Đào tạo nghiên cứu sinh có kiến thức sâu rộng, tiên tiến và toàn diện trong lĩnh vực kỹ thuật Nhiệt; có khả năng phát hiện, phân tích và giải quyết độc lập, sáng tạo các vấn đề phức tạp cả về lý thuyết lẫn thực tiễn; tạo ra tri thức mới, công nghệ mới, hoặc giải pháp kỹ thuật có giá trị khoa học và ứng dụng cao. Nghiên cứu sinh tốt nghiệp có tư duy phản biện và lập luận khoa học vững chắc, có năng lực lãnh đạo hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) ở trình độ quốc tế, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm xã hội và cam kết đóng góp vào sự phát triển bền vững của ngành và cộng đồng.
6	Chuẩn đầu ra	
6.1	Kiến thức	<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng và tích hợp kiến thức chuyên sâu, tiên tiến về nhiệt động lực học, truyền nhiệt và các lĩnh vực liên quan để giải quyết các vấn đề mới, phức tạp trong lĩnh vực kỹ thuật Nhiệt. - Phân tích, thiết kế, mô phỏng, thực nghiệm và tối ưu hóa các hệ thống nhiệt ở mức độ chuyên gia, đưa ra các giải pháp sáng tạo dựa trên cơ sở khoa học vững chắc. - Tạo ra tri thức mới hoặc phương pháp mới trong lĩnh vực kỹ thuật Nhiệt thông qua nghiên cứu khoa học độc lập và sáng tạo.
6.2	Kỹ năng	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp kiến thức để đề xuất và triển khai các giải pháp hiệu quả cho các vấn đề kỹ thuật nhiệt phức tạp, kể cả trong bối cảnh liên ngành và quốc tế. - Thực hiện nghiên cứu chuyên sâu một cách độc lập, phân tích và đánh giá các vấn đề phức tạp trong lĩnh vực Kỹ thuật Nhiệt và các lĩnh vực kỹ thuật liên quan. - Giao tiếp học thuật và chuyên môn hiệu quả bằng tiếng Việt và tiếng Anh; làm việc nhóm, hướng dẫn nghiên cứu sinh/nhà nghiên cứu trẻ; trình bày và công

TRƯỜNG
HỌC
KỸ THUẬT
TP. HCM
09

		bổ kết quả nghiên cứu ở các diễn đàn khoa học uy tín quốc gia và quốc tế.	
6.3	Mức tự chủ và trách nhiệm	<p>- Thể hiện đam mê nghiên cứu, khả năng tư duy phản biện và đổi mới sáng tạo, biết đúc kết kinh nghiệm để phát triển hướng nghiên cứu độc lập, dẫn dắt các hoạt động R&D.</p> <p>- Tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội, có tác phong nghiên cứu nghiêm túc, tinh thần kỷ luật và ý thức đóng góp vào sự phát triển bền vững của ngành và cộng đồng.</p>	
7	Cấu trúc CTĐT	CTĐT với đầu vào trình độ thạc sĩ: - Tổng số tín chỉ toàn khoá: 90 TC.	CTĐT với đầu vào trình độ đại học: - Tổng số tín chỉ toàn khoá: 120 TC. - Kiến thức trình độ thạc sĩ: 30 TC , gồm + Học phần bắt buộc: 15 TC + Học phần tự chọn: 15 TC
		- Kiến thức trình độ tiến sĩ: 90 TC + Học phần bắt buộc: 3 TC + Học phần tự chọn: 3 TC + Tiểu luận tổng quan: 10 TC + Chuyên đề 1: 15 TC + Chuyên đề 2: 20 TC + Luận án: 39 TC	
8	Đã tham khảo CTĐT trong và ngoài nước	Đã tham khảo, đối sánh với CTĐT ngành Kỹ thuật Cơ khí (Mechanical Engineering) trình độ tiến sĩ của Đại học Quốc Lập Trung Ương (National Central University – NCU, Đài Loan; CTĐT ngành Kỹ thuật Cơ khí trình độ tiến sĩ của Đại học Trung Nguyên (Chung Yuan Christian University – CYCU, Đài Loan; CTĐT ngành Kỹ thuật Nhiệt trình độ tiến sĩ của trường ĐH Bách khoa TP. HCM và CTĐT ngành Kỹ thuật Nhiệt trình độ tiến sĩ của trường ĐH Bách khoa Đà Nẵng.	
9	Tuyển sinh	Theo Đề án tuyển sinh sau đại học của Trường ĐHSPTK TP.HCM hàng năm, với hình thức xét tuyển.	

Nội dung chi tiết Bản mô tả Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Nhiệt trình độ tiến sĩ được trình bày ở Phụ lục 9.

3.5. KẾ HOẠCH TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

Trường ĐHSPTK TP.HCM đề xuất tuyển sinh khoá đầu tiên vào đợt 1 năm 2026. Chỉ tiêu tuyển sinh trong 5 năm đầu tiên được đề xuất với số lượng theo Bảng 3.1.

Bảng 3.1. Quy mô tuyển sinh dự kiến

Năm	2026	2027	2028	2029	2030
Số lượng tuyển sinh	03	03	03	03	03

3.6. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo sẽ được đánh giá và hiệu chỉnh định kỳ theo tiến độ và quy định hiện hành của Trường ĐHSPKT TP.HCM.

V
NG
SUF
HU
CHI
★

PHẦN 4

TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN

4.1. CÔNG CÔNG KHAI THÔNG TIN

Đề án mở ngành, Chương trình đào tạo và các thông tin tổ chức thực hiện chương đào tạo ngành Kỹ thuật Nhiệt trình độ tiến sĩ sau khi được mở ngành sẽ được công khai trên các công công khai thông tin của cơ sở đào tạo:

- Địa chỉ website của Trường ĐHSPKT TP.HCM: <https://hcmute.edu.vn/>
- Địa chỉ website của Khoa Cơ khí Động lực: <https://fae.hcmute.edu.vn/>
- Địa chỉ website của Phòng Đào tạo – Bộ phận sau đại học: <https://sdh.hcmute.edu.vn/>

4.2. TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Căn cứ vào nhu cầu về nguồn nhân lực có trình độ tiến sĩ trong lĩnh vực Kỹ thuật nhiệt tại các cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu, cũng như các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Kỹ thuật nhiệt.

Căn cứ vào định hướng, chiến lược phát triển của Nhà trường, nguồn nhân lực tại chỗ, cơ sở vật chất của Nhà trường;

Căn cứ vào các quy định về việc mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ theo Luật Giáo dục đại học ngày 18/06/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018; Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam; Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 Quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học; Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các

trình độ của giáo dục đại học; Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/06/2021 Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ, và các quy định hiện hành;

Đề án đăng ký mở ngành đào tạo Kỹ thuật Nhiệt trình độ tiến sĩ của Trường ĐHSPKT TP.HCM đã được xây dựng đáp ứng các tiêu chí theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024, và các quy định của pháp luật hiện hành.

4.3. CAM KẾT TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Trường ĐHSPKT TP.HCM và Khoa Cơ khí Động lực cam kết triển khai và thực hiện đầy đủ các nội dung trong Đề án, đảm bảo chất lượng đào tạo ngành Kỹ thuật Nhiệt trình độ tiến sĩ theo các quy định hiện hành.

4.4. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG VÀ XỬ LÝ RỦI RO

4.4.1. Trường hợp không tuyển sinh đủ chỉ tiêu

Trong trường hợp không tuyển sinh được vì nhiều nguyên nhân khác nhau thì đơn vị đào tạo sẽ tăng cường thêm công tác quảng bá (trực tiếp; gián tiếp qua trang mạng xã hội, tiếp cận cựu người học thông qua GV đã từng giảng dạy và hướng dẫn tốt nghiệp, qua các nhóm liên kết cựu người học của Khoa), tiếp cận nhà tuyển dụng để cập nhật yêu cầu, khảo sát lại nhu cầu xã hội. Bên cạnh đó, sẽ tăng cường liên kết với đơn vị sử dụng lao động để thu hút người học; luôn định kỳ đánh giá các điều kiện bảo đảm chất lượng và thu hút người học.

4.4.2. Người học bỏ học, trễ tiến độ

- Theo dõi tình hình học tập của người học, tạo nhiều kênh thông tin liên lạc để kịp thời phát hiện các nguyên nhân người học bỏ học, trễ tiến độ, kết hợp với lãnh đạo đơn vị và các phòng ban chức năng để có phương án hỗ trợ hợp lý.

- Phòng Đào tạo, bộ phận Sau đại học định kỳ sẽ có các thống kê tình trạng học tập, tình hình nợ học phí của người học gửi về các đơn vị đào tạo; trên cơ sở đó, các đơn vị đào tạo kịp thời thông tin, trao đổi với người học để tìm hiểu nguyên nhân, từ đó có phương án hỗ trợ.

- Với trường hợp người học gặp khó khăn đột xuất về tài chính: Trường và các đơn vị đào tạo xem xét từng trường hợp để linh động giải quyết; Trường có các nguồn kinh phí

dành riêng cho việc hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ đột xuất, các học bổng tài trợ để tháo gỡ một phần khó khăn về tài chính cho người học.

- Với trường hợp không theo kịp tiến độ do quá bận công tác hay chưa nỗ lực trong học tập, nghiên cứu: cán bộ quản lý ngành cần định hướng, nhắc nhở tiến trình học tập, hỗ trợ điều chỉnh kế hoạch học tập để người học có thể hoàn thành chương trình học ở mỗi học kỳ.

4.4.3. Sự biến động về đội ngũ giảng viên do thiếu lực lượng kế thừa khi giảng viên nghỉ hưu, chuyển công tác

Trường có chính sách hỗ trợ và động viên phù hợp để giữ chân GV; tạo điều kiện bồi dưỡng chuyên môn, phát triển NCKH cũng là cách để cải thiện chất lượng giảng dạy. Đồng thời, có kế hoạch phát triển nguồn lực cụ thể, có chính sách thu hút GV để đảm bảo có đủ lực lượng kế thừa.

4.4.4. Sự cạnh tranh với các trường đào tạo khác, đặc biệt là các trường đào tạo trong khu vực

Bảo đảm chất lượng đào tạo và nâng cao uy tín của Trường để thu hút GV có trình độ cao và giúp người học tin tưởng về chất lượng đào tạo của trường.

Khảo sát định kỳ nhu cầu thực tiễn của người sử dụng lao động, chuyên gia để kịp thời điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo; giúp tạo thị trường lao động ổn định, qua đó tạo sự cạnh tranh về chất lượng và thương hiệu đối với các cơ sở đào tạo khác.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền và tư vấn tuyển sinh thực hiện liên tục thông qua nhiều kênh khác nhau từ trực tiếp đến trực tuyến và bao gồm nhiều cấp độ khác nhau từ cấp Trường, Khoa đến cấp Bộ môn để đảm bảo việc tư vấn tuyển sinh đạt hiệu quả cao nhất nhằm duy trì việc đào tạo và phát triển ngành trong tương lai.

Thực hiện công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo quy định pháp luật. Không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, bao gồm chất lượng các hoạt động chuyên môn và chất lượng các hoạt động, dịch vụ hỗ trợ người học.

4.4.5. Trường hợp bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo

Một số phương án, giải pháp cụ thể bảo vệ quyền lợi cho người học, GV, nhà trường và các bên liên quan như sau:

- Đối với GV: Trường cần có kế hoạch, thông báo để GV có sự chủ động trong sắp xếp công việc, hoặc tạo điều kiện cho GV có cơ hội tham gia các khóa đào tạo/đào tạo lại các lĩnh vực chuyên môn gần để GV có thể có sự chuyển đổi khi cần thiết.

- Đối với người học, Trường rà soát các ngành có cùng trình độ đào tạo tại Trường, lựa chọn các ngành cùng nhóm mà người học đảm bảo đáp ứng đầu vào để tư vấn chuyển ngành cho người học. Hoặc Trường liên hệ với các cơ sở đào tạo có cùng mã ngành cùng trình độ để gửi người học tham gia quá trình học tập tiếp theo. Hoặc chuyển trường cho người học theo nguyện vọng.

- Thực hiện các hành động khắc phục nguyên nhân bị đình chỉ trong thời gian sớm nhất để Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quyết định cho phép hoạt động ngành đào tạo trở lại.

KẾT LUẬN

Đề án mở ngành đào tạo Kỹ thuật Nhiệt trình độ tiên sĩ của Trường ĐHSPKT TP.HCM đã được xây dựng đáp ứng các tiêu chí theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024, và các quy định của pháp luật hiện hành.

PHỤ LỤC

(Kèm theo Đề án số 3017/ĐA-ĐHSPKT ngày 28 tháng 8 năm 2025
của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh)

Phụ lục 1 - Danh sách giảng viên, nhà khoa học.

Phụ lục 2 - Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong CTĐT.

Phụ lục 3 - Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa.

Phụ lục 4 - Danh mục đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên.

Phụ lục 5 - Danh mục công trình khoa học của giảng viên.

Phụ lục 6 - Danh mục Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện CTĐT.

Phụ lục 7 - Xác nhận điều kiện thực tế liên quan Thư viện.

Phụ lục 8 - Bảng phân tích đối sánh các CTĐT.

Phụ lục 9 - Bản mô tả CTĐT.

Phụ lục 10 - Lý lịch khoa học.